PHẢN ỨNG SAU TIÊM

I. ĐẠI CƯƠNG

1. Định nghĩa

Phản ứng sau tiêm là tất cả những biểu hiện phản ứng sau tiêm ngừa

2. Nguyên nhân

Một số có thể do vaccin nhưng có thể hoàn toàn không do tiêm ngừa. Không có vaccin nào là 100% an toàn. Các tình huống phản ứng sau tiêm:

- Phản ứng của vaccin: Phản ứng xảy ra do vaccin ngay cả khi thực hành tiêm chủng đúng.
- Lỗi của thực hành tiêm chủng: Do lỗi trong quã trình chuẩn bị, thực hành tiêm, hay chỉ định.
- Trùng hợp ngẫu nhiên: Phản ứng sau tiêm không phải do vaccin mà là do bệnh tình cờ liên quan.
- Phản ứng do bị tiêm: Phản ứng do lo sợ hoặc tiêm đau
- Không rõ nguyên nhân: chưa rõ nguyên nhân

3. Biểu hiện phản ứng

Trải rộng từ dị ứng nhẹ đến đe dọa tính mạng (hiếm)

4. Phân loại

- *Theo mức độ*: Phản ứng nặng/nhẹ
- *Theo thời gian:*
  - + Cấp tính: trong 48h sau tiêm vaccin
  - + Không cấp tính: hơn 48h sau tiêm vaccin
- *Theo tỉ lệ:*
  - + Thường gặp: >10%
  - + Hiếm gặp: <0.1%

II. BIỂU HIỆN

1. Shock phản vệ

- *Tần suất*: rất hiếm 1/1M nhưng thường rất nặng
- *Biểu hiện*:
  - + Khởi phát: 5-30 phút sau tiêm
  - + Biểu hiện:
    - Da: đỏ, nổi quầng, ngứa, lan tỏa, sưng mặt, mắt
    - Hô hấp: Thở khò khè
    - Tim mạch: Mạch nhanh, HA thấp
    - Tiêu hóa: Đau quặng bụng
    - Thần kinh: Mất ý thức, đáp ứng kém khi tỉnh
- *Nhận biết sốc:*
  - + Dấu hiệu sớm: sẩn hồng ban bản đồ, ngứa ở chổ chích, mặt, miệng → khàn tiếng, buồn nôn, nôn → thở rít, khò khè, khó thở → lừ đừ, môi tái, mất ý thức.
  - + Thời gian: **những ca nặng thường xuất hiện sau 10 phút, có thể tái diễn sau 8-48 giờ.**
  - + Tay chân lạnh
  - + Mạch nhanh nhẹ khó bắt

BV Nhi đồng 2

+ TRC ≥ 3s
+ HA=0

- *Phân biệt ngất và shock*

	NGẤT	SHOCK PHẢN VỆ
Khởi phát	Trong/ngay sau tiêm	5-30 phút sau tiêm
Biểu hiện		
- Da	- Tái, vã mồ hôi, lạnh, ẩm	- Đỏ, nổi quầng, ngứa, lan tỏa, sưng mặt, mắt
- Hô hấp	- Thở sâu	- Thở khò khè
- Tim mạch	- Mạch chậm HA thấp tạm thời	- Mạch nhanh HA thấp
- Tiêu hóa	- Buồn nôn/nôn	- Đau quặng bụng
- Thần kinh	- Mất ý thức tạm thời, đáp ứng tốt khi tỉnh	- Mất ý thức, đáp ứng kém khi tỉnh

2. Phản ứng nặng khác

- Khóc kéo dài >3 giờ
- Sốc
- Phản ứng phản vệ
- Giảm phản ứng trương lực chu kỳ:
  + 1.7/1000 vaccin ho gà toàn tế bào
  + 0.2/1000 vaccin ho ga vô bào
  + 80% sau liều 1
  + Keo dài 30p, hồi phục tự nhiên
  + Có thể lơ mơ 24-48h
  + Nên chuyển sang ho gà vô bào

3. Phản ứng nặng trong 30 ngày sau vaccin

- Bệnh lý não
- Co giật
- Giảm tiểu cầu
- Tử vong
- Yếu liệt cấp

4. Phản ứng khác

- Abces tại chỗ nặng
- Viêm mô tế bào
- Hồng ban đa dạng sau MMR
- Phản ứng viêm tại chổ
- Sốt, khóc 36h sau tiêm thường do bệnh
- Tình trạng dị ứng:
  + Nhẹ: ngứa, mề đay
  + Trung bình: ói, đau bụng, than mệt
  + Nặng: thở rít, khò khè, shock

5. Thống kê phản ứng sau tiêm trong TCMR

BV Nhi đồng 2

	BCG	BH – UV - HG	VGSV B	HIB	BL (u)	Sởi	UV
Sốt		50%	1 – 6%	2%	`<1%	5 – 15%	10%
Sưng, đỏ, đau	90 – 95%	50%				10%	10%
Co giật							
Viêm hạch có mủ	<10% (sau 2 - 6 tháng)						
Co giật có sốt						3,3% (5-10 ngày) 0,3% (sau 15-30 ngày)	
Liệt mềm					0,04% (4-30 ngày)		
Cơn khóc thét dai dẳng		0,1-0,6% (sau chích <24h)					

Phản ứng sau tiêm của một số vaccin khác

- **Phản ứng nặng**

Phản ứng hiếm gặp (trung bình + nặng)	Trung bình	Nặng (rất hiếm)
1. DTaP (liều 4-5: thường gặp)	**Co giật**: 1/14000 **Khóc liên tục trên 3g**: 1/1000 **Sốt trên 40 độ**: 1/16000	**Co giật**, hôn mê, giảm tri giác kéo dài hoặc tổn thương nảo không hồi phục: 1/1000000
2. HepB		Dị ứng nặng: 1/1100000
3. Hib		
4. Cúm (TIV)		Guillain Barré:1-2/1000000
5. JEV (IXIARO)		
6. MMR	**Co giật có thể do sốt**: 1/3000 **Đau và cứng khớp tạm thời**: ¼ (thiếu niên) **Giảm tiểu cầu**: 1/3000	Dị ứng nặng: 1/1000000 Rất hiếm: điếc, tổn thương nảo không hồi phục, co giật, hôn mê, giảm tri giác kéo dài
7. MPSV4		
8. PPSV23		<1% viêm tại chổ nặng
9. RV1		Lồng ruột: 1/100000 (1 tuần sau liều 1)
10. Typoid vaccine		

BV Nhi đồng 2

(inactived)		
11. Varicella vaccine	**Sốt co giật**	Viêm phổi: rất hiếm
12. Rabies vaccine	Sưng, đau khớp, sốt: 6% (liều nhắc)	Guillain Barre: rất hiếm
13. HepA		Dị ứng nặng: rất hiếm

- **Phản ứng nhẹ**

Phản ứng thường gặp (nhẹ)	Phản ứng tại chỗ	Phản ứng toàn thân
1. DTaP (liều 4-5: thường gặp)	Sưng đỏ đau: ¼	Sốt ¼ Kích thích ¼
2. HepB	Sưng đỏ: ¼	Sốt: 1/15
3. Hib	Sưng đỏ đau: ¼	Sốt: 1/30
4. Cúm (TIV)	Sưng đỏ đau: ít	Sốt + đau cơ + đỏ mắt: ít
5. JEV (IXIARO)	Sưng đỏ: 1/20 Đau: ¼	Nhức đầu + đau cơ: 1/5
6. MMR		Hồng ban nhẹ: 1/20 Sốt: 1/6
7. MPSV4	Sưng đau: ½ (MPSV4>MCV4)	Sốt: ít
8. PPSV23	Sưng đỏ đau: ½ Phản ứng nặng: 1%	Sốt + đau cơ: 1%
9. RV1		Kích thích + tiêu chảy + ói: nhẹ, ít Sốt: ít
10. Typoid vaccine (inactived)	Đỏ + sưng: 7%	Nhức đầu: 3% Sốt: 1%
11. Varicella vaccine	Sưng đau: 1/5 (trẻ nhỏ), 1/3 (trẻ lớn)	Sốt: <1/10 Hồng ban nhẹ: 1/25 (có thể 1 tháng)
12. Rabies vaccine	Sưng đỏ đau ngứa: 30-74%	Nhức đầu + ói + đau bụng + đau cơ + chóng mặt: 5-40%
13. HepA	Đỏ: 1/6	Nhức đầu: 1/25 Biếng ăn: 1/12

III. XỬ TRÍ

1. Cấp cứu các trường hợp nặng

Xử trí sốc phản vệ:

- Ngưng ngay thuốc
- Bệnh nhân nằm đầu phẳng
- Nếu có ngưng tim - ngưng thở: ngửa đầu, nâng cằm, thổi ngạt, bóp bóng qua mask, ấn tim 5/1 < 8 tuổi, 15/2 >8 tuổi (5/1: 2 người)
- Adrenalin 0.1% 0.3ml s/c, im
- 0,01 ml/ kg 0,1% s/c
- 0,1ml/ kg 0,01% sIV
- Thở oxy <1 tuổi: 1l/p, >1 tuổi: 6l/p

BV Nhi đồng 2

- Garrot trên nơi tiêm

2. Xét tiêu chuẩn nhập viện

3. Hướng dẫn lần tiêm tiếp theo

IV. PHÒNG NGỪA

- Cần khai thác kỹ cơ đia dị ứng
- Tiền căn có hoặc nghi ngờ có phản ứng với vaccine, thuốc khác trước đây
- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ, thuốc chống shock đầy đủ trước buổi tiêm chủng

BV Nhi đồng 2